

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/DS-ST
Ngày 28 - 3 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thành Đạt.

Các Hội Thẩm nhân dân: Ông Kiêm Việt Hùng.
Ông Thạch Văn Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 28 tháng 3 năm 2025, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 17/2025/TLST-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 02 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2025/QĐST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty S. Địa chỉ trụ sở chính: Số A, Đường N, phường B, Thành phố V, tỉnh Nghệ An. Người đại diện theo pháp luật: Ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức vụ: Giám đốc. (Vắng mặt)

- Người đại diện hợp pháp của Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1999. Địa chỉ: Số D, Đường L, Phường C, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền ngày 07-10-2024. (Có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Trương Bảo Đ, sinh năm 1979. Địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 01 năm 2025 của Công ty S, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Nguyễn Thanh T trình bày:

Vào ngày 12-11-2024, ông Trương Bảo Đ đến Chi nhánh Công ty S (viết tắt là Công ty S) tại số C Đường P, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng để ký hợp đồng cầm cố tài sản số: S BM241101013NA24X. Theo đó, ông Đ cầm cố 01

(một) xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83GE-068.51, loại xe HONDA BLADE, màu Đen Đỏ, số khung RLHJA366XRY100443, số máy JA36E1160383, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 005419 do Công an huyện C cấp ngày 21-10-2024 cho Công ty S với số tiền 8.670.212 đồng. Thời hạn cầm cố là 18 tháng, từ ngày 12-11-2024 đến ngày 12-5-2026, mức lãi suất 1,1%/tháng. Thực hiện hợp đồng cầm cố, Công ty S đã giải ngân đầy đủ tiền cho ông Đ. Do nhu cầu sử dụng xe đi lại, ông Đ và Công ty S thỏa thuận Công ty S cho ông Đ thuê xe sử dụng, thời hạn từ ngày 12-11-2024 đến ngày 12-5-2026, địa điểm trả xe tại Chi nhánh thành phố S. Thực hiện các hợp đồng, ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, không trả xe lại cho Công ty S. Do đó, Công ty S khởi kiện yêu cầu ông Đ thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 10-01-2025 là 10.453.347 đồng, gồm: Gốc là 8.670.213 đồng; Lãi 190.745 đồng; P mượn xe 936.383 đồng; Phí QLHS 86.702 đồng; P vi phạm nghĩa vụ thanh toán 21.583 đồng; P thanh lý trước hạn 547.721 đồng và tiếp tục tính lãi suất, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong nợ.

- *Đối với bị đơn ông Trương Bảo Đ:*

Ông Trương Bảo Đ đã được cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty S.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Công ty S rút lại yêu cầu ông Đ thanh toán phí thuê xe là 936.383 đồng, phí quản lý hồ sơ là 86.702 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 21.583 đồng, phí thanh lý hợp đồng trước hạn là 547.721 đồng; yêu cầu ông Đ thanh toán dự nợ gốc số tiền 8.670.213 đồng và tiền lãi trong hạn từ ngày 13-11-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-3-2025), mức lãi suất 1.1%/tháng, số tiền 429.176 đồng; sau khi ông Đ thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán thì Công ty S giao trả cho ông Đ 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 055419, biển số đăng ký 83GE-068.51 do Công an huyện C cấp ngày 21-10-2024.

Bị đơn ông Đ vắng mặt không có lý do.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Trương Bảo Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với giao dịch cầm cố tài sản đã giao kết. Ông Đ cư trú tại ấp B, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, quan hệ pháp luật tranh chấp vụ án: “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trương Bảo Đ vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm a, b Khoản 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[3] Theo đơn khởi kiện, Công ty S yêu cầu ông Đ thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với giao dịch cầm cố tài sản đã giao kết. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ quy định tại Điều 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025. Do đó, vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025.

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty S rút lại yêu cầu ông Đ thanh toán phí thuê xe là 936.383 đồng, phí quản lý hồ sơ là 86.702 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 21.583 đồng, phí thanh lý hợp đồng trước hạn là 547.721 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút lại yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2025 nên chấp nhận, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện đã rút.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S về việc yêu cầu ông Đ thanh toán dư nợ gốc số tiền 8.670.213 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6] Ngày 12-11-2024, Công ty S và ông Đ giao kết Hợp đồng cầm cố số: SBM241101013NA24X, loại hợp đồng cầm xe mượn lại, thời hạn 18 tháng, việc giao kết hợp đồng do các bên tự nguyện, phù hợp lĩnh vực đăng ký kinh doanh của Công ty S và nhu cầu cầm xe của ông Đ, mục đích và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội theo quy định tại các Điều 117, 119, 310 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên hợp đồng cầm cố mà Công ty S và ông Đ đã giao kết có hiệu lực pháp luật, buộc các bên phải thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ trong hợp đồng.

[7] Theo Hợp đồng cầm cố số: SBM241101013NA24X ngày 12-11-2024, Công ty S nhận cầm cố tài sản của ông Đ là 01 (một) xe mô tô hai bánh biển kiểm soát 83GE-068.51, loại xe HONDA BLADE, màu Đen Đỏ, số khung RLHJA366XRY100443, số máy JA36E1160383, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 005419 do Công an huyện C cấp ngày 21-10-2024 với số tiền 8.670.212 đồng. Thời hạn cầm cố là 18 tháng, từ ngày 12-11-2024 đến ngày 12-5-2026. Thanh toán định kỳ hàng tháng số tiền 558.181 đồng, vào ngày 12 hàng tháng, từ tháng 12-2024 đến tháng 5-2026. Thực hiện hợp đồng, Công ty S đã giao đủ cho ông Đ số tiền cầm cố xe là 8.670.212 đồng. Ông Đ không thực hiện nghĩa vụ thanh toán, đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán quy định tại Điều 4 của Hợp đồng cầm cố và Điều 311 của Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, Công ty S yêu cầu ông Đ thanh toán dư nợ gốc số tiền 8.670.212 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty S về việc yêu cầu ông Đ thanh toán tiền lãi trong hạn từ ngày 13-11-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-3-2025) số tiền 429.176 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[9] Theo hợp đồng cầm cố tài sản số: SBM241101013NA24X ngày 12-11-2024, Công ty S và ông Đ thỏa thuận lãi suất trong hạn cố định là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn. Xét thấy, mức lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp quy định tại Khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP01-7-2016 của Chính phủ; Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên các bên phải thực hiện đúng thỏa thuận trả lãi. Như đã nhận định, quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ không thanh toán, không trả lãi cho Công ty S nên Công ty S yêu cầu ông Đ trả lãi trong hạn, mức lãi suất 1.1%/tháng, từ ngày 13-11-2024 đến ngày 28-3-2025 với số tiền 429.176 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[10] Như vậy, ông Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty S dư nợ gốc số tiền 8.670.213 đồng và tiền lãi trong hạn từ ngày 13-11-2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-3-2025) số tiền 429.176 đồng. Tổng cộng ông Đ phải thanh toán cho Công ty S số tiền 9.099.389 đồng.

[11] Xét yêu cầu của Công ty S về việc yêu cầu tiếp tục tính lãi phần nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Trong vụ án này Công ty S chỉ yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-3-2025), yêu cầu tiếp tục tính lãi phần nợ gốc đến khi thanh toán xong dư nợ gốc là phù hợp với thỏa thuận trả lãi mà hai bên đã giao kết trong hợp đồng cầm cố nên có căn cứ chấp nhận. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-3-2025), ông Đ còn phải trả tiền lãi cho Công ty S theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố số: SBM241101013NA24X ngày 12-11-2024 đối với dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

[12] Ngoài ra, Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty S trình bày khi ông Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty S giao trả cho ông Đ 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 055419, biển số đăng ký 83GE-068.51 do Công an huyện C cấp ngày 21-10-2024. Xét thấy, việc trả lại tài sản nhận cầm cố này do Công ty S tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 316 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được ghi nhận.

[13] Yêu cầu khởi kiện của Công ty S được chấp nhận nên Công ty S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ông Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty S được chấp nhận.

[14] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Khoản 2 Điều 244, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 117, 119, 309, 310, 311, 314, 316 của Bộ luật dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay, buộc ông Trương Bảo Đ thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền 9.099.389 đồng, gồm:

- Dư nợ gốc: 8.670.213 đồng;

- Tiền lãi trong hạn từ ngày 13-11-2024 đến ngày 28-3-2025: 429.176 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 28-3-2025), ông Trương Bảo Đ còn phải trả lãi cho Công ty Cổ phần S Có Ngay theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố số: SBM241101013NA24X ngày 12-11-2024 đối với nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong dư nợ gốc.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Cổ phần S Có Ngay, sau khi ông Trương Bảo Đ thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ, Công ty Cổ phần S Có Ngay giao trả cho ông Trương Bảo Đ 01 (một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 055419, biển số đăng ký 83GE-068.51, do Công an huyện C cấp ngày 21-10-2024.

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đã rút về việc yêu cầu ông Trương Bảo Đ thanh toán phí thuê xe là 936.383 đồng, phí quản lý hồ sơ là 86.702 đồng, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán 21.583 đồng, phí thanh lý hợp đồng trước hạn là 547.721 đồng.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005924 ngày 21-01-2025 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Ông Trương Bảo Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền tính tròn số 455.000 đồng.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- CCTHADS huyện Châu Thành;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thành Đạt